BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7063 /BC-BNN-KTHT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021*

BÁO CÁO
Rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) có liên quan đến dự thảo Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp (dự thảo Nghị định), với những nội dung cơ bản như sau:

I. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC RÀ SOÁT

1. Mục tiêu rà soát

Xác định được chính sách về đầu tư tiếp tục thực hiện, chính sách cần sửa đổi; chính sách cần bổ sung để làm cơ sở xây dựng dự thảo Nghị định.

2. Nguyên tắc rà soát

Đối chiếu các quy định về chính sách được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành với các quy định tại dự thảo Nghị định để xác định: chính sách tiếp tục thực hiện; chính sách đã có nhưng cần sửa đổi, bổ sung; chính sách chưa có.

II. KẾT QUẢ, ĐỀ XUẤT

1. Tổng văn bản được rà soát

Tổng số văn bản được rà soát 12 *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*, bao gồm:

- 08 Nghị định của Chính phủ;
- 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- 03 Thông tư.

Trong đó tập trung rà soát, đánh giá chính sách của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/ 11/ 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

2. Kết quả rà soát

Kết quả được tập hợp theo các chủ đề: (i) Chính sách đối với mua máy móc, thiết bị nông nghiệp, chế biến nông sản; ii) Chính sách đối với đào tạo nhân lực; (iii) Chính sách đối với đầu tư hạ tầng nông nghiệp.

2.1. Chính sách mua máy móc, thiết bị nông nghiệp; chế biến nông sản

a) Rà soát các chính sách hỗ trợ hiện hành đối với mua máy móc, thiết bị nông nghiệp, chế biến nông sản, kết quả:

- Có 01 hoạt động hỗ trợ mua máy móc, thiết bị nông nghiệp được quy định tại Điều 1 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

- Có 06 hoạt động hỗ trợ các dự án đầu tư chế biến nông sản, muối, bảo quản thủy sản bao gồm:

+ Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg (điều 2): i) Kho silô dự trữ lúa, ngô; hệ thống sấy nông sản; dây chuyền máy, thiết bị xay xát, đánh bóng, phân loại gạo; ii) Hệ thống nhà kính, nhà lưới phục vụ sản xuất; máy, thiết bị bảo quản, chế biến rau, hoa, quả; iii) Dây chuyền máy, thiết bị bảo quản, giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp; chế biến thủy sản (thiết bị làm lạnh, cấp đông, tái đông; sản xuất nước đá, đá vảy; thiết bị hấp sấy…); iv) Dây chuyền máy, thiết bị chế biến cà phê, chè, nhân điều, hồ tiêu; v) Dây chuyền máy, thiết bị chế biến muối; vi) Các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp;

+ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP (điều 12): i) Bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm; chế tạo thiết bị, linh kiện máy nông nghiệp, sản xuất sản phẩm phụ trợ (điều 11); ii) Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt;

+ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (điểm c khoản 1 điều 4): Chính sách tín dụng đối với đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ, bao gồm cả máy móc, trang thiết bị hàng hải; thiết bị phục vụ khai thác; ngư lưới cụ; trang thiết bị bảo quản hải sản;

+ Nghị định số 40/2017 ngày 05/4/2017: Hỗ trợ đầu tư kho chứa muối, máy, thiết bị sản xuất muối, dây chuyền máy, thiết bị chế biến muối;

+ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP: Hỗ trợ dự án chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với công nghệ tiên tiến và thiết bị đồng bộ trong thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường; dự án sản xuất, chế tạo thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn; dự án sản xuất, chế biến muối sạch;

+ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP: i) Cho vay các chi phí phát sinh phục vụ sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ; phát triển ngành nghề tại nông thôn; ii) Cho vay sản xuất giống trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ quá trình Ssản xuất nông nghiệp.

b) Đề xuất chính sách hỗ trợ tiếp tục thực hiện:

- Đối với hoạt động hỗ trợ mua máy móc, thiết bị nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg cần tiếp tục được thực hiện. Hiện nay, việc ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, nhất là sự phát triển khoa học công nghệ lần thứ 4 vào sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng nhanh, để đáp ứng nhu cầu sản xuất cần bổ sung các loại máy, thiết bị, công nghệ (công nghệ số, công nghệ thông tin, công nghệ thông minh) phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp). Ngoài hỗ trợ cơ giới hóa từng khâu cần tiến tới cơ giới hóa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp phù hợp với nguồn nhân lực được đào tạo; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phù hợp.

- Đối với các hoạt động hỗ trợ các dự án đầu tư chế biến nông sản, muối, bảo quản thủy sản hiện hành có đối tượng và phạm vi khác nhau, nhưng chưa đồng bộ theo chuỗi liên kết giữa các khâu sản xuất nông nghiệp gắn với một trong các khâu: Vận chuyển; sơ chế; bảo quản; chế biến; tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hoặc toàn bộ chuỗi liên kết từ sản xuất, vận chuyển, sơ chế, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy, đề xuất tiếp tục có chính sách hỗ trợ cho các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ và đồng bộ theo chuỗi liên kết.

2.2. Chính sách đối với đào tạo nhân lực;

a) Rà soát các chính sách hỗ trợ hiện hành đối với đào tạo nhân lực, kết quả:

+ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP: Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (Điều 9);

+ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP: Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường (Điều 10).

b) Đề xuất chính sách hỗ trợ tiếp tục thực hiện:

Các hoạt động hỗ trợ hiện hành đối với đào tạo nhân lực trên theo dự án liên kết, doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn, nội dung và pham vi khác nhau. Tuy nhiên, đối với nguồn nhân lực phục vụ cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp gồm: i) Nhân lực nghiên cứu, dịch vụ, tư vấn phát triển, quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các dự án cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; ii) Nhân lực trực tiếp sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp thì chưa được đề cập. Vì vậy, đề xuất có chính sách hỗ trợ nguồn nhân lực phục vụ cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

2.3 Chính sách đối với đầu tư hạ tầng nông nghiệp

a) Rà soát các chính sách hỗ trợ hiện hành đối với đầu tư hạ tầng nông nghiệp, kết quả:

+ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP: Dự án liên kết được ngân sách hỗ trợ vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết

bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

+ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP: (i) Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Điều 5); (ii) Hỗ trợ đầu tư xây dựng trạm bơm điện, cống và kiên cố kênh mương (Điều 6);

+ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP: Hỗ trợ cung cấp dịch vụ công và đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn;

+ Nghị định số 17/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP: Ngân sách trung ương đầu tư 100% kinh phí xây dựng các dự án do bộ, ngành trung ương quản lý đối với các hạng mục hạ tầng đầu mối vùng nuôi trồng thủy sản tập trung; vùng sản xuất giống tập trung bao gồm: Hệ thống cấp thoát nước (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, hệ thống điện, công trình xử lý nước thải chung; nâng cấp cơ sở hạ tầng các Trung tâm giống thủy sản quốc gia, Trung tâm giống thủy sản cấp vùng; Trung tâm quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản, Trung tâm khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản cấp trung ương và cấp vùng" (khoản 2, điều 1).

b) Đề xuất chính sách hỗ trợ tiếp tục thực hiện:

Các hoạt động hỗ trợ hiện hành đối với đầu tư hạ tầng nông nghiệp trên có phạm vi và đối tượng khác nhau và đặc thù riêng như: Công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; trạm bơm điện, cống và kiên cố kênh mương; hệ thống cấp thoát nước (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, hệ thống điện, công trình xử lý nước thải chung; nâng cấp cơ sở hạ tầng các Trung tâm giống thủy sản quốc gia, Trung tâm giống thủy sản cấp vùng; Trung tâm quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản, Trung tâm khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản cấp trung ương và cấp vùng. Tuy nhiên, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, bao gồm: i) Hạ tầng sản xuất: Hạ tầng quy hoạch sản xuất nông nghiệp; hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng; hệ thống cấp, thoát nước; điện, nước cho chuồng trại, nuôi trồng, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, xử lý phụ phẩm nông nghiệp. ii) Hạ tầng công nghệ: Cơ sở dữ liệu, công nghệ số, công nghệ thông minh, chính xác, băng thông, thiết bị đường truyền kết nối, điều khiển máy, thiết bị, công nghệ phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp. iii) Hạ tầng môi trường: Kết cấu hạ tầng bảo vệ hệ sinh thái, môi trường nông nghiệp; môi trường lao động (ánh sáng, tiếng ồn, mức độ bụi); xử lý phụ phẩm, chất thải trong sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản chưa được đề cập các chính sách trên.

Vì vậy, cần thiết phải đề xuất chính sách hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật đáp ứng các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp.

3. Kết luận và kiến nghị

Qua rà soát, đối chiếu, so sánh giữa các chính sách đầu tư đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trên với dự thảo Nghị định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất một số vấn đề sau:

a) Đối với các chính sách hiện hành: Đối tượng, phạm vi và hỗ trợ của các chính sách trên tập trung chủ yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn đối với máy móc, thiết bị cho sản xuất nông nghiệp và dự án đầu tư chế biến nông sản theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/ 11/ 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp đến nay đã hết hiệu lực thi hành. Các hoạt động hỗ trợ chế biến nông sản, nguồn nhân lực, hạ tầng nông nghiệp được đề cập các chính sách trên nhưng trong phạm vi có tính đặc thù, chưa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp theo chuỗi liên kết từ sản xuất, vận chuyển, sơ chế, bảo quản, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

b) Đề xuất bổ sung chính sách hỗ trợ mới:

- Hỗ trợ mua máy, thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, trong đó ngoài máy móc, thiết bị cần bổ sung thêm phần công nghệ (công nghệ số, công nghệ thông tin, công nghệ thông minh) phục vụ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp). Ngoài hỗ trợ cơ giới hóa từng khâu cần tiến tới cơ giới hóa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp phù hợp với nguồn nhân lực được đào tạo, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, gắn với tổ chức sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phù hợp.

- Hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp bao gồm các dự án đầu tư thực hiện cơ giới hóa đồng bộ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp; dự án đầu tư thực hiện cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi liên kết.

- Hỗ trợ phát triển các Trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp để thực hiện hoặc làm đầu mối liên kết các tổ chức, cá nhân cùng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp ở các địa phương, vùng, miền.

Trên đây là Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Trần Thanh Nam

Nơi nhận:
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KTHT.

Phụ lục
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN RÀ SOÁT CHÍNH SÁCH VỀ CƠ GIỚI HÓA NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BNN-KTHT ngày tháng năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/ 11/ 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

2. Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

3. Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 25/7/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

4. Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

5. Nghị định số 40/2017 ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối.

6. Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

7. Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

8. Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

9. Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

10. Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg. Thông tư số 02/2016/TT-BNNPTNT ngày 22/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung danh mục chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp ban hành theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

11. Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18/4/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

12. Thông tư số 89/TT-BTC ngày 07/07/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp./.